

MỨC ĐỘ TỰ TIN TRONG THỰC HÀNH CHĂM SÓC NGƯỜI BỆNH CỦA ĐIỀU DƯỠNG MỚI TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC Y DƯỢC THÁI BÌNH

Nguyễn Thị Huyền¹, Trương Quang Trung², Trần Thị Vân Anh¹

¹Trường Đại học Y Dược Thái Bình

²Khoa Điều dưỡng - Hộ sinh, Trường Đại học Y Hà Nội

Nghiên cứu được thực hiện với mục tiêu mô tả mức độ tự tin trong thực hành chăm sóc người bệnh của điều dưỡng sau tốt nghiệp Trường Đại học Y Dược Thái Bình đang làm việc tại các cơ sở y tế trong thời gian 3 năm đầu tiên và một số yếu tố liên quan. Sử dụng phương pháp mô tả cắt ngang thực hiện trên 131 điều dưỡng, mức độ tự tin được đánh giá theo thang điểm sự tin tưởng hiệu quả cá nhân (PEBS - Personal Efficacy Belief Scale) do Riggs và Knight phát triển. Kết quả cho thấy mức độ tự tin của điều dưỡng ở mức trung bình ($35,2 \pm 5,25$). Có mối liên quan giữa sự hỗ trợ của các kiến thức đại học với sự tự tin của điều dưỡng mới tốt nghiệp, trong đó thể hiện rõ sự tương quan thuận giữa sự hỗ trợ của module học kỹ thuật điều dưỡng ($r = 0,186, p < 0,05$) và module kỹ năng tiền lâm sàng ($r = 0,295, p < 0,05$) với sự tự tin.

Từ khóa: sự tự tin, điều dưỡng mới tốt nghiệp, Đại học Y Dược Thái Bình.

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Sự tự tin là một yếu tố thiết yếu trong thực hành điều dưỡng, đặc biệt là trong những năm đầu sau khi tốt nghiệp [1]. Điều dưỡng mới ra trường thường phải đối mặt với những khó khăn do môi trường làm việc yêu cầu cao gây ra [2]. Họ thường gặp khó khăn trong thời gian đầu vì cảm giác lo lắng, không an toàn, không tự tin bởi vai trò, trách nhiệm tăng lên đột ngột trong khi thiếu hụt các kiến thức, kinh nghiệm thực hành. Do đó, cần thiết phải có các đánh giá chính xác, khách quan và các giải pháp nhằm bù đắp sự thiếu hụt này [3; 4].

Người điều dưỡng có sự tự tin sẽ có đủ tư duy thấu đáo, làm chủ được các quy trình, kỹ thuật chăm sóc, có sự sáng tạo trong công việc cũng như tạo được mối quan hệ tốt với

đồng nghiệp, bác sĩ và người hướng dẫn [5, 6]. Từ đó, giúp họ thích nghi môi trường làm việc cường độ cao và đối mặt với bất kỳ sự thay đổi nào trong môi trường lâm sàng. Người điều dưỡng có mức độ tự tin thấp khó có khả năng xây dựng lòng tin ở các đồng nghiệp có kinh nghiệm, đặc biệt là trong môi trường lâm sàng [5].

Mặc dù vậy, đến thời điểm hiện tại yếu tố tự tin của điều dưỡng chưa được tìm hiểu và đánh giá một cách đầy đủ. Nghiên cứu về mức độ tự tin trong thực hành chăm sóc người bệnh của điều dưỡng giúp các đơn vị đào tạo thay đổi các phương án giảng dạy phù hợp, kích lệ tính tự tin ngay từ khi còn học tập trong trường bằng khả năng thích ứng dựa trên vấn đề, nhằm có những phương án hỗ trợ cho sinh viên sau tốt nghiệp [7; 8]

Hiện nay, tại Việt Nam, nghiên cứu về mức độ tự tin của điều dưỡng còn rất hạn chế hoặc chưa được công bố. Đặc biệt, chưa có nghiên cứu nào đánh giá mức độ tự tin của điều dưỡng

Tác giả liên hệ: Nguyễn Thị Huyền,

Trường Đại học Y Dược Thái Bình

Email: huyentcydtb@gmail.com

Ngày nhận: 22/08/2019

Ngày được chấp nhận: 29/08/2019

trong vòng 3 năm sau khi tốt nghiệp tại các cơ sở y tế ở Việt Nam được công bố gần đây.

Trường Đại học Y Dược Thái Bình là trường Đại học được phép tuyển sinh và giảng dạy điều dưỡng trình độ đại học chính quy từ năm 2006, cung cấp nhân lực điều dưỡng cho ngành Y tế trong và ngoài nước. Tìm hiểu về mối liên hệ giữa quá trình đào tạo với mức độ tự tin trong thực hành của điều dưỡng mới tốt nghiệp là rất cần thiết. Vì vậy, nghiên cứu này được thực hiện nhằm mục tiêu:

1. Mô tả mức độ tự tin trong thực hành lâm sàng của điều dưỡng chính quy tốt nghiệp từ trường Đại học Y Dược Thái Bình trong giai đoạn 2014 - 2017 đang công tác tại các cơ sở y tế

2. Mô tả một số yếu tố liên quan đến mức độ tin tin trong thực hành của nhóm điều dưỡng này.

II. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP

1. Đối tượng

Điều dưỡng tốt nghiệp chương trình điều dưỡng chính quy tại trường Đại học Y Dược Thái Bình từ 2014 - 2017 và đang công tác tại các cơ sở y tế

2. Phương pháp

- Thiết kế nghiên cứu mô tả cắt ngang được tiến hành từ tháng 01 năm 2018. Phương pháp chọn mẫu thuận tiện được lựa chọn để mời sinh viên điều dưỡng tốt nghiệp tham gia nghiên cứu dựa trên danh sách cựu sinh viên được thu thập từ phòng Quản lý đào tạo đại học, trường Đại học Y Dược Thái Bình. Trong giai đoạn 2014 - 2017 có tổng cộng 215 sinh viên tốt nghiệp điều dưỡng chính quy, trong đó, 25 sinh viên hiện không làm việc ở cơ sở Y tế, tổng quần thể nghiên cứu còn lại 190 sinh viên đủ tiêu chuẩn chọn mẫu. Nhóm nghiên cứu liên hệ với cựu sinh viên thông qua số điện thoại,

email, zalo, facebook... Điều dưỡng đồng ý tham gia sẽ trả lời bộ câu hỏi tự điền thiết kế theo dạng trực tuyến hoặc trả lời câu hỏi giấy, có 131 người trả lời phiếu điều tra, tỷ lệ phản hồi đạt 131/190 (68,94%).

- Công cụ nghiên cứu được phát triển và sử dụng trên tổng quan tài liệu hướng dẫn đánh giá năng lực cựu sinh viên điều dưỡng tại Đại học Y Hà Nội [4], bộ câu hỏi gồm 2 phần:

+ Phần 1: Thông tin nhân khẩu học, đào tạo và đặc điểm công việc, kinh nghiệm, mối quan hệ, sự hỗ trợ nhận được.

Mô tả sự tự đánh giá mức độ hỗ trợ của các môn học trong chương trình đào tạo với sự tự tin thông qua thang đo sự khác biệt từ 1 đến 5 điểm (trong đó 1 điểm là không hỗ trợ, 5 điểm là hỗ trợ rất nhiều)

+ Phần 2: Đánh giá sự tự tin qua bộ câu hỏi sự tin tưởng hiệu quả cá nhân (Personal Efficacy Belief Scale) do Riggs và Knight phát triển gồm 10 câu, đánh giá theo thang điểm Likert từ 1 đến 5 điểm (tương ứng từ "rất không đồng ý" đến "rất đồng ý"). Điểm tổng từ 10 đến 50 điểm, trong đó điểm cao có mức tự tin cao.

3. Phân tích số liệu

Số liệu kiểm tra, làm sạch trước khi được nhập và phân tích bằng phần mềm SPSS 20.0, sử dụng thống kê mô tả về tần số, tỷ lệ, trung bình, độ lệch chuẩn và phép kiểm định T-test, ANOVA, tương quan Pearson.

4. Đạo đức nghiên cứu

Người tham gia được giải thích về mục tiêu và ý nghĩa của nghiên cứu, mọi thông tin liên quan sẽ được bảo mật hoàn toàn và người tham gia có thể rời nghiên cứu tại bất cứ thời điểm nào. Nghiên cứu được Hội đồng đề cương cao học của trường Đại học Y Hà Nội thông qua ngày 26 tháng 6 năm 2018 và cho phép thực hiện đề tài tại Quyết định số 165/QĐ-ĐHYHN ngày 25 tháng 01 năm 2019.

III. KẾT QUẢ

1. Một số thông tin về đặc điểm chung và quá trình đào tạo của đối tượng nghiên cứu

Có 131 điều dưỡng mới thỏa mãn điều kiện chọn mẫu, đồng ý tham gia và hoàn thiện trả lời bộ câu hỏi nghiên cứu.

Bảng 1. Thông tin chung và đặc điểm đào tạo của đối tượng nghiên cứu

	Đặc điểm	n (%)
Giới	Nam	21 (16,0)
	Nữ	110 (84,0)
Đào tạo chuyên ngành đang làm việc	Có	108 (82,4)
	Không	23 (17,6)
Thời gian đào tạo chuyên ngành đang làm việc	< 3 tháng	22 (20,3)
	3 tháng - 6 tháng	37 (34,3)
	> 6 tháng	49 (45,4)
Vị trí công tác hiện tại	Điều dưỡng chăm sóc	94 (71,8)
	Điều dưỡng quản lý	7 (5,3)
	Vị trí khác	30 (22,9)
Số năm kinh nghiệm làm việc	1 - 12 tháng	73 (55,7)
	12 - 24 tháng	43 (32,8)
	Trên 24 tháng	15 (11,5)
Kiến thức từ bậc đại học hỗ trợ cho công việc hiện tại	Hỗ trợ ít	15 (11,5)
	Hỗ trợ trung bình	50 (38,2)
	Hỗ trợ nhiều	66 (50,4)

Điều dưỡng tham gia nghiên cứu có độ tuổi trung bình là $25,38 \pm 1,06$ trong đó, điều dưỡng là nữ chiếm đa số (84%). 71,8% đảm nhận vị trí điều dưỡng chăm sóc, 7 người (5,3%) đang là điều dưỡng trưởng nhóm chăm sóc. Đa số người tham gia nghiên cứu là nhóm điều dưỡng tốt nghiệp trong thời gian 24 tháng gần đây (88,5%). Hơn một nửa số điều dưỡng được hỏi (50,4%) có câu trả lời tự nhận thấy sự hỗ trợ từ kiến thức bậc đại học đối với công việc hiện tại hỗ trợ từ mức trung bình đến nhiều.

Bảng 2. Sự hỗ trợ của chương trình đào tạo với công việc hiện tại

Module học	$\bar{X} \pm SD$
Hỗ trợ từ môn kỹ thuật điều dưỡng	4,13 \pm 0,87

Module học	
Hỗ trợ từ môn kỹ năng tiền lâm sàng	3,33 ± 0,94
Hỗ trợ từ môn điều dưỡng chuyên ngành chính	3,50 ± 0,88
Hỗ trợ từ môn điều dưỡng chuyên khoa lẻ	2,80 ± 0,97

Sự hỗ trợ từ các môn kỹ thuật điều dưỡng được đánh giá cao nhất, tiếp theo là từ các môn điều dưỡng chuyên ngành chính. Sự hỗ trợ của các môn điều dưỡng chuyên khoa lẻ được đánh giá thấp nhất.

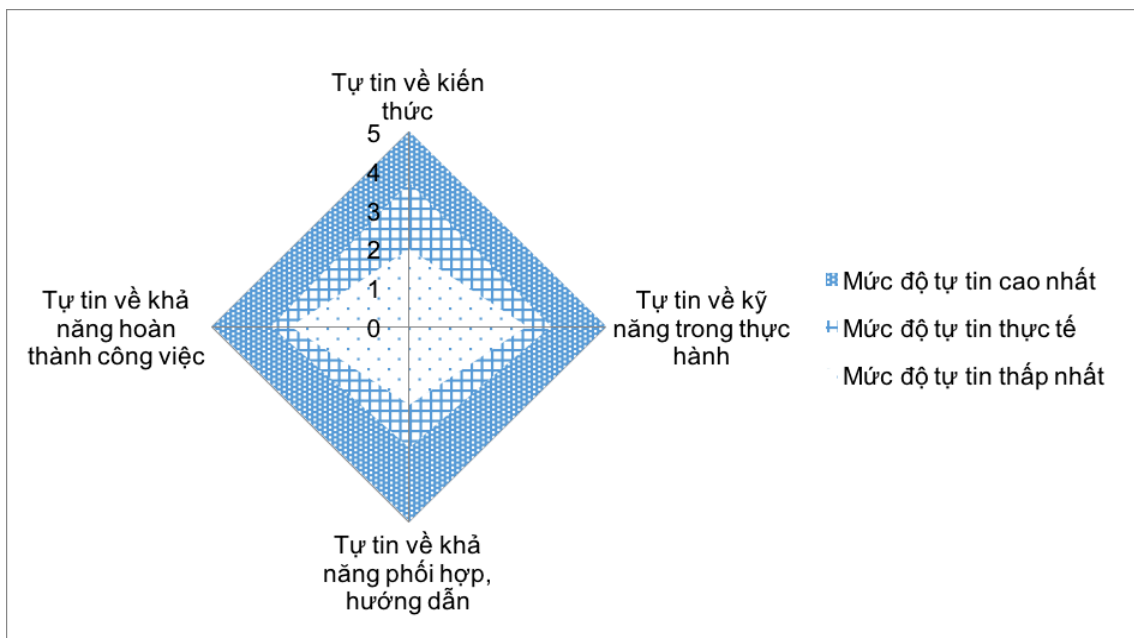
2. Mức độ tự tin của đối tượng nghiên cứu và một số yếu tố liên quan

Mức độ tự tin được đánh giá bằng bảng điểm tự tin trong thực hành. Điểm trung bình tự tin của đối tượng nghiên cứu là $35,2 \pm 5,2$. Tổng điểm nhỏ nhất các tiêu chí đánh giá sự tự tin của đối tượng nghiên cứu là 20 điểm, tổng điểm lớn nhất là 50 điểm.

Sự tự tin của điều dưỡng được đánh giá theo 4 lĩnh vực, bao gồm:

- + Tự tin về kiến thức
- + Tự tin về kỹ năng trong thực hành chăm sóc điều dưỡng
- + Tự tin về khả năng hoàn thành công việc
- + Tự tin về khả năng phối hợp, hướng dẫn.

Kết quả về mức độ tự tin từng lĩnh vực được biểu thị tóm tắt qua biểu đồ 1.



Biểu đồ 1. Mức độ tự tin của đối tượng nghiên cứu theo từng lĩnh vực

Phần lớn điều dưỡng tham gia nghiên cứu tự tin về lĩnh vực kiến thức được trang bị (điểm trung bình tự tin: 3,72); tiếp đó là tự tin về những kỹ năng trên lâm sàng (3,62) và khả năng hoàn thành công việc (3,55). Lĩnh vực có mức độ tự tin thấp nhất là khả năng phối hợp, giáo dục, hướng dẫn trong thực hành điều dưỡng (3,15)

Bảng 3. Mối liên quan giữa một số đặc điểm về vị trí việc làm, đặc điểm đào tạo và mức độ tự tin của đối tượng nghiên cứu

Đặc điểm		Mức độ tự tin $\bar{X} \pm SD$	T/F	p
Giới	Nam	37,19 ± 5,90	1,872	0,063
	Nữ	34,87 ± 5,10		
Được đào tạo chuyên ngành làm việc hiện tại	Có	35,60 ± 5,20	1,612	0,109
	Không	33,70 ± 5,30		
Thời gian đào tạo chuyên ngành làm việc hiện tại	Dưới 3 tháng	33,82 ± 4,00	2,305	0,105
	Từ 3 - 6 tháng	35,30 ± 5,18		
	Trên 6 tháng	36,59 ± 5,19		
Vị trí công việc hiện tại của điều dưỡng	Điều dưỡng chăm sóc	34,69 ± 5,55	2,393	0,095
	Điều dưỡng quản lý	38,43 ± 4,50		
	Điều dưỡng vị trí khác	36,23 ± 3,99		
Số năm kinh nghiệm làm việc	1 - 12 tháng	34,14 ± 5,03	6,040	0,003
	12 - 24 tháng	35,84 ± 5,31		
	Trên 24 tháng	38,93 ± 4,38		
Sự hỗ trợ từ kiến thức đại học đối với công việc hiện tại	Hỗ trợ ít	33,53 ± 7,67	8,280	0,001
	Hỗ trợ trung bình	33,44 ± 4,01		
	Hỗ trợ nhiều	37,00 ± 4,63		

Kết quả cho thấy không có mối liên quan của giới tính, công việc hiện tại, được đào tạo chuyên ngành và thời gian đào tạo chuyên ngành với mức độ tự tin của điều dưỡng mới tốt nghiệp. Nhóm điều dưỡng có kinh nghiệm trên 24 tháng có điểm tự tin cao hơn có ý nghĩa thống kê so với nhóm có kinh nghiệm ít hơn. Điều dưỡng nhận thấy sự hỗ trợ kiến thức đại học trung bình đến nhiều có mức độ tự tin cao hơn so với nhóm điều dưỡng cảm thấy được hỗ trợ ít và rất ít.

Bảng 4. Mối liên quan giữa mức độ tự tin và các nhóm môn học Đại học

Đặc điểm	r	p
Hỗ trợ từ môn kỹ thuật điều dưỡng	0,186*	0,033
Hỗ trợ từ môn kỹ năng tiền lâm sàng	0,295**	0,001

Đặc điểm	r	p
Hỗ trợ từ môn điều dưỡng chuyên ngành chính	0,155	0,078
Hỗ trợ từ môn điều dưỡng chuyên khoa lẻ	0,147	0,094

*p-value được tính từ test tương quan PEARSON, * $p < 0.05$; ** $p < 0,01$*

Có mối tương quan có ý nghĩa ở mức 0,01 giữa module kỹ năng tiền lâm sàng và module kỹ thuật điều dưỡng với mức độ tự tin của đối tượng nghiên cứu. Không có liên quan nào giữa sự hỗ trợ của các môn học còn lại đối với mức độ tự tin của điều dưỡng mới tốt nghiệp.

IV. BÀN LUẬN

Tuổi trung bình của đối tượng tham gia nghiên cứu là 25,38 (SD:1,06). Độ tuổi này phù hợp với đối tượng nghiên cứu là điều dưỡng vừa tốt nghiệp đại học trong vòng 3 năm. So sánh với nghiên cứu của Trương Quang Trung, tuổi trung bình của nghiên cứu này cao hơn [4]. Tuy nhiên, so với điều dưỡng mới tốt nghiệp của các nghiên cứu nước ngoài khác thì điều dưỡng Việt Nam ra trường với độ tuổi khá trẻ. Nhóm điều dưỡng mới trong nghiên cứu của Parker [9] tại Úc có tuổi trung bình là 29, nghiên cứu của Pfaff tại Ontario, Canada là $29 \pm 6,28$ [10].

Trong nghiên cứu của chúng tôi, tỷ lệ nam giới chiếm 16,8%, thấp hơn nhiều so với nữ giới. Kết quả này tương đồng với nghiên cứu ở Hàn Quốc, với tỷ lệ nam giới tham gia nghiên cứu chỉ chiếm 0,6% [1] hoặc ở Singapore với 8,8% [11].

Vị trí công tác hiện tại đa phần là điều dưỡng chăm sóc (71,8%). Tỷ lệ này tương đương với nghiên cứu của Trương Quang Trung (73,3%) [4]. Đây là một vị trí công việc phù hợp với những đối tượng mới tốt nghiệp đại học và chưa có nhiều kinh nghiệm trong công việc, áp dụng được những kiến thức và kỹ năng được học tập tại trường đại học. Trong số điều dưỡng tham gia nghiên cứu, có tới hơn 50% điều dưỡng có kinh nghiệm làm việc dưới 1 năm. Có thể do sau khi tốt nghiệp điều dưỡng chưa có

việc làm ngay và sự luân chuyển khoa đối với điều dưỡng mới trong thời kỳ đầu mới đi làm.

Có tới 50,4% điều dưỡng đánh giá chương trình đào tạo đại học hỗ trợ họ ở mức độ nhiều và rất nhiều, 38,2% cho rằng chương trình này có mức hỗ trợ trung bình. Điều này có thể thấy chương trình đào tạo hiện tại cơ bản đã đáp ứng được nhu cầu công việc. Phần lớn điều dưỡng đã trải qua một khóa học chuyên ngành trước khi làm việc ở vị trí hiện tại, do điều dưỡng được đào tạo chính quy chủ yếu là điều dưỡng đa khoa, nên rất cần thiết phải đào tạo lại chuyên sâu phù hợp với đối tượng chăm sóc. Một nghiên cứu ở Úc cũng cho kết quả tương đương với 91,0% đối tượng điều dưỡng vừa tốt nghiệp đã được đào tạo thêm về chuyên ngành [9]. Điều dưỡng tham gia các khóa học đào tạo lại có thời gian khác nhau tùy từng lĩnh vực, so sánh với nghiên cứu của Trương Quang Trung, điều dưỡng trong nghiên cứu của chúng tôi có thời gian đào tạo lại dài hơn [4].

Kết quả nghiên cứu cho thấy điểm trung bình mức độ tự tin của điều dưỡng mới là 35,2 điểm (SD:5,25). Đây là điểm tự tin ở mức độ trung bình. Kết quả này tương đồng với một nghiên cứu được thực hiện tại Hàn Quốc với điểm trung bình tự tin là $35,66 \pm 4,54$, cao hơn nghiên cứu của Trương Quang Trung [1; 4]. Kết quả cho thấy điều dưỡng nam có điểm trung bình tự tin cao hơn Điều dưỡng nữ, nhưng

điều này không có ý nghĩa thống kê. Nghiên cứu của Pfaff cho kết quả tương đồng với nghiên cứu của chúng tôi [10].

Đánh giá mức độ tự tin theo từng lĩnh vực, kết quả nghiên cứu cho thấy lĩnh vực tự tin về kiến thức được trang bị có điểm trung bình tự tin cao nhất. Điều này hoàn toàn phù hợp với đối tượng nghiên cứu là những điều dưỡng mới tốt nghiệp đại học trong vòng 3 năm, vì những kiến thức lý thuyết còn khá mới mẻ được cung cấp trong quá trình đại học. Từ đó, người điều dưỡng tự cảm thấy có thể áp dụng những kiến thức đã học trên lâm sàng một cách thành thạo, háo hức, tự tin khi thực hiện những kỹ năng thực hành chăm sóc người bệnh. Nghiên cứu của Duchscher có cùng nhận định với nghiên cứu của chúng tôi [3]. Đối tượng nghiên cứu là những điều dưỡng mới tốt nghiệp, chưa có nhiều kiến thức thực hành cũng như kinh nghiệm trên lâm sàng nên sự tự tin về khả năng hoàn thành công việc, đặc biệt là khả năng phối hợp, giáo dục, hướng dẫn với đồng nghiệp trong đội, nhóm chăm sóc còn nhiều hạn chế [1].

Các môn học trong chương trình Đại học đã được các điều dưỡng mới đánh giá có mức độ hỗ trợ khác nhau, trong đó môn kỹ năng tiền lâm sàng và môn kỹ thuật điều dưỡng cho kết quả liên quan có ý nghĩa thống kê với sự tự tin. Theo Baldwin, Ortiz và Kim chương trình đào tạo Đại học cung cấp nền tảng giúp cho sinh viên tự tin khi thực hành chuyên môn ở môi trường lâm sàng [6; 8; 12]. Điều dưỡng được đào tạo chuyên ngành làm việc từ 6 tháng trở lên trên 6 tháng có điểm trung bình mức độ tự tin cao hơn nhưng không có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê, điều này cho thấy, đào tạo chuyên ngành cần chú trọng nhiều hơn đến chất lượng đào tạo. Nghiên cứu của Pfaff cũng cho thấy không có sự khác biệt [10].

Vị trí công việc hiện tại không có sự khác

biệt về mức độ tự tin nhưng kinh nghiệm công tác có mối quan hệ với mức độ tự tin của đối tượng nghiên cứu, điều dưỡng làm việc trên 2 năm có điểm tự tin cao hơn hẳn nhóm còn lại. Do giai đoạn sóc chuyển tiếp diễn ra trong 1 đến 2 năm đầu tiên khi điều dưỡng bắt đầu công việc trong môi trường y tế chuyên nghiệp, đây là quá trình điều dưỡng làm quen, thích nghi với môi trường và áp lực công việc [2; 3].

V. KẾT LUẬN

Mức độ tự tin của điều dưỡng khi làm việc tại các cơ sở y tế trong thời gian 3 năm đầu tiên sau tốt nghiệp trường Đại học Y Dược Thái Bình ở mức trung bình 35,2/50 điểm, đạt 70,4% so với thang điểm tuyệt đối về mức độ tự tin. Có mối liên quan giữa sự hỗ trợ của kiến thức đại học với sự tự tin của đối tượng nghiên cứu ($p < 0,05$). Có tương quan thuận giữa sự tự tin với sự hỗ trợ của module học kỹ thuật điều dưỡng ($r = 0,186, p < 0,05$) và module kỹ năng tiền lâm sàng ($r = 0,295, p < 0,05$).

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Lee T. W., Ko Y. K. (2010). Effects of self - efficacy, affectivity and collective efficacy on nursing performance of hospital nurses. *Journal of advanced nursing*, **66(4)**, 839 - 848.
2. Casey K., Fink R. R., Krugman A. M. et al. (2004). The graduate nurse experience. *Journal of Nursing Administration*, **34(6)**, 303 - 311.
3. Duchscher J. E. B. (2009). Transition shock: the initial stage of role adaptation for newly graduated registered nurses. *Journal of advanced nursing*, **65(5)**, 1103 - 1113.
4. Trương Quang Trung, Vũ Thị Hương, Nguyễn Thị Hương Lan (2017). Mức độ tự tin và năng lực thực hành của Điều dưỡng mới tốt nghiệp Đại học Y Hà Nội trong năm đầu tiên làm việc tại các cơ sở y tế. *Tạp chí Điều dưỡng Việt Nam*, (20 - 2017), 71 - 75.

5. Luthans K. W., Jensen S. M. (2005). The linkage between psychological capital and commitment to organizational mission: A study of nurses. *Journal of Nursing Administration*, **35(6)**, 304 - 310.
6. Ortiz J. (2016). New graduate nurses' experiences about lack of professional confidence. *Nurse education in practice*, **19**, 19 - 24.
7. Chesser-Smyth P. A., Long T. (2013). Understanding the influences on self-confidence among first-year undergraduate nursing students in Ireland. *Journal of Advanced Nursing*, **69(1)**, 145 - 157.
8. Kim K. H., Lee A. Y., Eudey L. et al. (2014). Improving clinical competence and confidence of senior nursing students through clinical preceptorship. *International Journal of nursing*, **1(2)**, 183 - 209.
9. Parker V., Giles M., Lantry G. et al. (2014). New graduate nurses' experiences in their first year of practice. *Nurse Education Today*, **34(1)**, 150 - 156.
10. Pfaff K. A., Baxter P. E., Jack S. M. et al. (2014). Exploring new graduate nurse confidence in interprofessional collaboration: A mixed methods study. *International journal of nursing studies*, **51(8)**, 1142 - 1152.
11. Chang Y., Li H. H., Wu C. et al. (2010). The influence of personality traits on nurses' job satisfaction in Taiwan. *International Nursing Review*, **57(4)**, 478 - 484.
12. Baldwin A., Bentley K., Langtree T. et al. (2014). Achieving graduate outcomes in undergraduate nursing education: following the Yellow Brick Road. *Nurse education in practice*, **14(1)**, 9 - 11.

Summary

SELF – CONFIDENCE IN NURSING PRACTICE AMONG NEW GRADUATED NURSES FROM THAI BINH UNIVERSITY OF MEDICINE AND PHARMACY

The objectives of the study is to “describe the self - confidence in the first three years of nursing practice among new graduated nurses from Thai Binh University of Medicine and Pharmacy and describe several factors associated with self – confidence on clinical nursing practice”. A cross – sectional study design was utilized to assess the self – confidence among 131 nurses with Personal Efficacy Belief Scale developed by Riggs and Knight. The study results showed that the self – confidence of participants was in the average level (35.2 ± 5.25). The gained knowledge from university was significant associated with the self – confidence level ($p < 0.05$). There was a significant positive correlation between the self – confidence and the support of nursing techniques module ($r = 0.186$, $p < 0.05$) and pre-clinical skills module ($r = 0.295$, $p < 0.05$).

Keywords: self - confidence, new graduated nurse, Thai Binh University of Medicine and Pharmacy.